

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

LỊCH KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 06 NĂM 2026

(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
I. Ngày 27/06/2026 (Buổi sáng):							
1	27/06/2026 (Thứ Bảy) Buổi sáng	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.001 VHU.TAB1.06.070	B1.PT01	HEC603
2			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.071 VHU.TAB1.06.140	B1.PT02	HEC703
3			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.141 VHU.TAB1.06.200	B1.PT03	HEC609
4			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.201 VHU.TAB1.06.230	B1.PT04	HEC605
5			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.231 VHU.TAB1.06.290	B1.PT05	HEC506
6				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.06.291 VHU.TAB1.06.320	B1.PT06	
7			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.321 VHU.TAB1.06.365	B1.PT07	HEC606
8				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.06.366 VHU.TAB1.06.400	B1.PT08	
9			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.401 VHU.TAB1.06.445	B1.PT09	HEC707
10				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.06.446 VHU.TAB1.06.480	B1.PT10	

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
II. Ngày 27/06/2026 (Buổi chiều):							
11	27/06/2026 (Thứ Bảy) Buổi chiều	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.001 VHU.TAB1.06.035	B1.PT01	HEC506
				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.06.036 VHU.TAB1.06.070		
12			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.071 VHU.TAB1.06.105	B1.PT02	HEC606
				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.06.106 VHU.TAB1.06.140		
13			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.141 VHU.TAB1.06.200	B1.PT03	HEC707
14				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.06.201 VHU.TAB1.06.230	B1.PT04	
15			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.231 VHU.TAB1.06.290	B1.PT05	HEC603
16			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.291 VHU.TAB1.06.320	B1.PT06	HEC607
17			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.321 VHU.TAB1.06.365	B1.PT07	HEC703
18			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.366 VHU.TAB1.06.400	B1.PT08	HEC608
19			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.401 VHU.TAB1.06.445	B1.PT09	HEC510
20	Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.446 VHU.TAB1.06.480	B1.PT10	HEC706		
III. Ngày 28/06/2026 (Buổi sáng):							
21	28/06/2026 (Chủ nhật) Buổi sáng	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.481 VHU.TAB1.06.515	B1.PT11	HEC506
				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.06.516 VHU.TAB1.06.550		
22			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.551 VHU.TAB1.06.585	B1.PT12	HEC606
				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.06.586 VHU.TAB1.06.620		

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
23	28/06/2026 (Chủ nhật) Buổi sáng	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.621 VHU.TAB1.06.680	B1.PT13	HEC707
24				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.06.681 VHU.TAB1.06.710	B1.PT14	
25			Nói	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.711 VHU.TAB1.06.750	B1.PT15	HEC608
26				10:00 - 12:00	VHU.TAB1.06.751 VHU.TAB1.06.785	B1.PT16	
27			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.786 VHU.TAB1.06.825	B1.PT17	HEC703
28			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.826 VHU.TAB1.06.860	B1.PT18	HEC705
29			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.861 VHU.TAB1.06.900	B1.PT19	HEC709
30			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.901 VHU.TAB1.06.935	B1.PT20	HEC706
31			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.936 VHU.TAB1.06.970	B1.PT21	HEC605
32			Nghe - Đọc - Viết	08:00 - 10:00	VHU.TAB1.06.971 VHU.TAB1.06.1003	B1.PT22	HEC607
IV. Ngày 28/06/2026 (Buổi chiều):							
33	28/06/2026 (Chủ nhật) Buổi chiều	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.481 VHU.TAB1.06.550	B1.PT11	HEC503
34			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.551 VHU.TAB1.06.620	B1.PT12	HEC603
35			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.621 VHU.TAB1.06.680	B1.PT13	HEC709

Stt	Ngày kiểm tra	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ kiểm tra	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
36	28/06/2026 (Chủ nhật) Buổi chiều	Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.681 VHU.TAB1.06.710	B1.PT14	HEC607
37			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.711 VHU.TAB1.06.750	B1.PT15	HEC605
38			Nghe - Đọc - Viết	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.751 VHU.TAB1.06.785	B1.PT16	HEC705
39			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.786 VHU.TAB1.06.825	B1.PT17	HEC506
40				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.06.826 VHU.TAB1.06.860	B1.PT18	
41			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.861 VHU.TAB1.06.900	B1.PT19	HEC606
42				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.06.901 VHU.TAB1.06.935	B1.PT20	
43			Nói	13:30 - 15:30	VHU.TAB1.06.936 VHU.TAB1.06.970	B1.PT21	HEC707
44				15:30 - 17:30	VHU.TAB1.06.971 VHU.TAB1.06.1003	B1.PT22	

*** Lưu ý :**

- Thí sinh có mặt tại phòng kiểm tra:
+ Sáng 7:30 (Đối với phòng thi B1.PT01; B1.PT02; B1.PT03; B1.PT04; B1.PT05; B1.PT07; B1.PT09; B1.PT11; B1.PT12; B1.PT13; B1.PT15; B1.PT17; B1.PT18; B1.PT19; B1.PT20; B1.PT21; B1.PT22);
+ Chiều 13:00 (Đối với phòng thi B1.PT01; B1.PT02; B1.PT03; B1.PT05; B1.PT06; B1.PT07; B1.PT08; B1.PT09; B1.PT10; B1.PT11; B1.PT12; B1.PT13; B1.PT14; B1.PT15; B1.PT16; B1.PT17; B1.PT19; B1.PT21).

- **Thí sinh phải mang theo Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực và có mặt trước giờ kiểm tra 15 phút để làm thủ tục dự kiểm tra.**

Nơi nhận:

- Thường trực HĐT (để b/c);

- Các Thành viên Hội đồng kiểm tra (để t/h);

- Lưu: VT, TT. KT&ĐBCL, TT. NN.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà